

THE NGUYEN DYNASTY AND THE COMPILATION OF HISTORY: VALUES FOR CONTEMPORARY HISTORICAL RESEARCH

Nguyen Van Bao

Institute of History, Vietnam Academy of Social Sciences

Email: Nguyenbaovsh@gmail.com

Received: 25/8/2026; Reviewed: 7/9/2026; Revised: 11/9/2026; Accepted: 29/9/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i3.420>

Abstract: *This article examines the state-sponsored compilation of history under the Nguyen dynasty, with particular attention to the establishment of the Su cuc in 1811, the formation and operation of the Quoc su quan from 1820–1821, and the gradual institutionalization of historical scholarship until the end of the dynasty. Drawing on major Nguyen-era works, including “Dai Nam thuc lục”, “Kham dinh Viet su thong giam cuong mục”, “Dai Nam nhat thong chi”, “Dong Khanh dia du chi”,... the study analyzes the institutional structure, documentary practices, genres, and intellectual orientations of Nguyen historiography. The article argues that Nguyen historical compilation combined a highly centralized and normative state framework with diverse practices of collecting, comparing, editing, annotating, and systematizing historical information. The Nguyen court inherited earlier Vietnamese historiographical traditions while adapting the annalistic, chronicle-outline, and veritable-record genres to the needs of a nineteenth-century centralized monarchy. At the same time, these works were shaped by political purposes, dynastic legitimacy, Confucian norms, and the court’s concept of orthodoxy. Their value for contemporary research therefore lies not only in the information they preserve but also in their capacity to reveal how historical knowledge was produced in a particular political and intellectual context. The article proposes a critical, comparative, interdisciplinary approach to exploiting this corpus in present-day historical research.*

Keywords: *Quoc su quan; Su cuc; Historiography; Historical sources; Nguyen dynasty.*

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ, biên soạn và lưu giữ lịch sử luôn gắn với nhu cầu quản trị quốc gia, giáo hóa xã hội và xác lập kỷ ức chính trị của mỗi triều đại. Từ Quốc sử viện thời Trần, Quốc sử viện thời Lê sơ đến Sử cục và Quốc sử quán thời Nguyễn, việc làm sử từng bước chuyển từ hoạt động của một số sử quan thành một thiết chế tương đối chuyên nghiệp, có tổ chức nhân sự, quy trình sưu tầm và chế độ kiểm duyệt. Trong tiến trình ấy, triều Nguyễn để lại khối lượng sử liệu nhà nước đặc biệt phong phú, trải rộng từ chính sử, thực lục, liệt truyện, cương mục đến địa chí, hội điển, văn bản hành chính và các loại tư liệu liên quan. Quốc sử quán được xác định là cơ quan chuyên trách nghiên cứu, lưu trữ sử liệu và biên soạn quốc sử của triều đình. Các công trình do cơ quan này chủ trì biên soạn đã trở thành nền tảng quan trọng cho nhiều hướng nghiên cứu về Việt Nam thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX (Thắm,

2012, tr. 76–83).

Tuy nhiên, nghiên cứu về thành tựu sử học triều Nguyễn không nên dừng ở việc liệt kê số lượng tác phẩm hay xem các bộ sử như những “kho dữ liệu” thuần túy. Bản thân mỗi công trình là kết quả của một quá trình lựa chọn, phân loại, thẩm định và diễn giải tư liệu trong những điều kiện chính trị - tư tưởng cụ thể. Triều Nguyễn coi việc “làm sử” là một công việc có ý nghĩa đặc biệt đối với việc làm rõ chính thống và truyền lại chế độ, điển chương cho hậu thế; vì thế, sử quan có vai trò quan trọng trong biên chép lịch sử. Điều này đòi hỏi người nghiên cứu hiện nay phải đồng thời khai thác giá trị thông tin của sử liệu và nhận diện cơ chế sản sinh và mục đích của nó.

Từ yêu cầu đó, bài viết tập trung giải quyết ba vấn đề: *Thứ nhất*, làm rõ quá trình hình thành và vận hành của thiết chế biên soạn lịch sử dưới triều Nguyễn; *Thứ hai*, hệ thống hóa các nhóm công trình tiêu biểu và đặc trưng phương pháp biên

soạn sử triều Nguyễn; *Thứ ba*, đánh giá giá trị và giới hạn của di sản sử học Nguyễn đối với nghiên cứu hiện nay. Bài viết tập trung vào nghiên cứu các công trình sử học do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, trên cơ sở đó làm rõ quá trình biên soạn, nội dung, ý nghĩa. Cách tiếp cận này nhằm chuyển trọng tâm từ việc “kể tên sách” sang nhận diện một hệ thống tri thức lịch sử, qua đó góp phần đánh giá toàn diện hơn vị trí của triều Nguyễn trong lịch sử sử học Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về sử học triều Nguyễn có thể khái quát thành 3 hướng chính:

Hướng thứ nhất tập trung vào lịch sử Quốc sử quán, cơ cấu tổ chức, chức quan, nhân sự và quy trình biên soạn. Luận văn thạc sĩ lịch sử “Quốc sử quán triều Nguyễn, phương pháp biên soạn và thành tựu” đã bàn tới sự ra đời, cơ cấu tổ chức, hoạt động cùng những thành tựu đạt được, phương pháp biên soạn (Tài, 1999). Bài viết “Đồng Khánh địa dư chí, quá trình biên soạn - lưu truyền và giá trị học thuật” của tác giả Ngô Đức Thọ đã góp phần làm rõ hơn về quá trình biên soạn, lưu truyền và giá trị của công trình đối với công tác nghiên cứu hiện nay (Thọ, 2002). Công trình “Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân” của tác giả Phan Thanh Hải có bài “Tổng quan về Khoa học xã hội và nhân văn thời Nguyễn” (1802-1945), trình bày sơ lược về Quốc sử quán triều Nguyễn và đánh giá “Quốc sử quán triều Nguyễn là một Viện Hàn lâm Khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam trong thế kỷ XIX” (Hải, 2003). Công trình “Quốc sử quán triều Nguyễn” (1820 -1945) của Nguyễn Hữu Tâm là một khảo cứu có hệ thống về thiết chế này, làm rõ vai trò của Quốc sử quán trong đời sống chính trị - văn hóa của triều Nguyễn. Tác giả đã tổng quan các công trình sử học, địa lý học lịch sử được biên soạn dưới triều Nguyễn và giá trị của nó đối với công tác nghiên cứu hiện nay (Tâm, 2009). Nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Thẩm dựa trên châu bản cũng cho thấy việc thành lập Quốc sử quán là một quá trình có tổ chức, trong đó nhà vua trực tiếp quyết định nhân sự chủ chốt và xác lập trách nhiệm của Tổng tài, Phó Tổng tài, Toàn tu, Biên tu, Khảo hiệu, Hiệu san, Thu chương, Biện sự và Đăng lục (Thẩm, 2012, tr. 76–83). Công trình “Những vụ án tham nhũng qua châu bản triều Nguyễn” do Trung tâm lưu trữ quốc gia I chủ

trì biên soạn, trên cơ sở khai thác các châu bản triều Nguyễn để làm rõ một nội dung cụ thể về tham nhũng qua nguồn châu bản. Công trình rất có giá trị tham khảo khi nghiên cứu về tệ nạn xã hội dưới triều Nguyễn nói chung và tham nhũng nói riêng (Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, 2024).

Hướng thứ hai nghiên cứu các tác phẩm cụ thể. “Đại Nam thực lục” thường được xem là bộ sử có quy mô đặc biệt lớn, ghi chép lịch sử từ thời chúa Nguyễn đến những thập niên đầu thế kỷ XX. Sách “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” có ý nghĩa như một bộ thông sử theo thể biên niên - cương mục, kế thừa và hệ thống hóa nhiều thành tựu sử học trước đó; “Đại Nam nhất thống chí” cung cấp một hệ thống thông tin phong phú về địa lý, lịch sử, hành chính, kinh tế, phong tục và nhân vật của nhiều địa phương. Các công trình này ngày càng được khai thác trong nghiên cứu lịch sử địa phương, lịch sử kinh tế - xã hội, nghiên cứu ruộng đất, nông nghiệp, biên giới và văn hóa.

Hướng thứ ba đặt sử học triều Nguyễn trong lịch sử tư tưởng và lịch sử Việt Nam hiện đại, chú ý đến vấn đề chính thống, quan điểm triều đại, cách đánh giá Tây Sơn, chúa Nguyễn và các nhân vật lịch sử. Hướng tiếp cận này giúp vượt qua cách đọc thực chứng đơn giản, bởi một ghi chép sử quan không chỉ phản ánh sự kiện mà còn phản ánh vị trí của người ghi chép, quy phạm của thể loại và mục đích của cơ quan biên soạn. Chính vì vậy, việc khai thác sử liệu triều Nguyễn hiện nay cần kết hợp phê bình nguồn với đối chiếu chéo giữa các loại tư liệu khác nhau.

Nhìn chung, các nghiên cứu trên rất có giá trị khi nghiên cứu về triều Nguyễn và các lĩnh vực cụ thể thông qua các công trình được Quốc sử quán biên soạn. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những nghiên cứu đạt đồng thời thiết chế biên soạn, đặc trưng sử liệu và khả năng khai thác liên ngành trong một khung phân tích thống nhất. So với những hướng nghiên cứu trên, bài viết nhấn mạnh mối liên hệ giữa thiết chế biên soạn và giá trị sử liệu. Nói cách khác, giá trị của các bộ sử Nguyễn không chỉ nằm ở lượng thông tin đồ sộ mà còn ở việc chúng cho phép nghiên cứu cách thức nhà nước thế kỷ XIX tổ chức tri thức, lưu giữ ký ức và chuẩn hóa nhận thức về quá khứ.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ sử học và sử liệu học, kết hợp giữa tiếp cận lịch sử - thể chế và

tiếp cận văn bản học, nhằm làm rõ quá trình hình thành, tổ chức biên soạn và đặc điểm phương pháp của Quốc sử quán triều Nguyễn, đồng thời đánh giá giá trị của các công trình sử học triều Nguyễn đối với nghiên cứu lịch sử hiện nay. Đối tượng nghiên cứu tập trung vào những bộ sử tiêu biểu, có tính hệ thống và giữ vị trí quan trọng trong hoạt động biên soạn quốc sử như: “Đại Nam thực lục”, “Khâm định Việt sử Thông giám cương mục”, “Đại Nam liệt truyện”, “Đại Nam nhất thống chí” và một số trước tác sử học có liên quan. Việc lựa chọn công trình dựa trên các tiêu chí: tính chính thống và vị trí của công trình trong hệ thống sử học triều Nguyễn; thời điểm và cơ quan biên soạn; quy mô, phạm vi nội dung; mức độ ảnh hưởng đối với việc nhận thức và nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Trên cơ sở đó bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử kết hợp với phê bình sử liệu, phân tích văn bản và tiếp cận liên ngành. Tiếp theo, bài viết đối chiếu thông tin từ các bộ thực lục, cương mục, địa chí, hội điển với các nghiên cứu hiện đại về Quốc sử quán. Cuối cùng, giá trị của các công trình được đánh giá trên bốn phương diện: giá trị thông tin, giá trị phương pháp - thể loại, giá trị đối với nghiên cứu liên ngành và giá trị đối với việc nghiên cứu lịch sử địa phương, lãnh thổ, thể chế nhà nước.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự hình thành một thiết chế biên soạn lịch sử

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, mở đầu triều Nguyễn. Trong bối cảnh một quốc gia vừa trải qua nhiều thập niên chiến tranh và phân tranh, nhu cầu xác lập một trật tự chính trị mới, nhu cầu xác lập một diễn giải chính thống về quá khứ xuất hiện. Sử học vì vậy không chỉ là hoạt động học thuật mà còn gắn với việc xác lập tính chính thống của vương triều. Trong “Khâm định Việt sử thông giám cương mục”, quan niệm “làm cho tỏ rõ được chính thống” được nêu như một nguyên tắc quan trọng của việc làm sử (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1, tr. 21). Trong “Đại Nam thực lục”, Minh Mệnh cũng xác định việc biên soạn tiền biên và chính biên nhằm làm rõ nguồn gốc và “cái nghĩa thống nhất” của nhà Nguyễn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, tập 1, tr. 193).

Năm 1811, Gia Long cho đặt Sử cục và cử Nguyễn Văn Thành làm Tổng tài, Phạm Như

Đăng làm Phó Tổng tài. Việc thành lập Sử cục đánh dấu bước chuyển quan trọng từ chủ trương làm sử sang xây dựng một cơ quan chuyên trách. “Đại Nam thực lục” cho biết nhà nước còn yêu cầu các địa phương thu thập những việc “quan hệ đến việc nước”, khuyến khích người biết chuyện cũ ghi nhớ và chuyển tư liệu qua quan sở tại để tập hợp về trung ương. Chi tiết này cho thấy nguồn sử liệu được hình thành từ nhiều tầng: văn bản hành chính, ghi chép của quan lại và ký ức của những người đương thời (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, tập 1, tr. 817–828).

Đến tháng 5 năm 1820, vua Minh Mệnh bắt đầu cho dựng Quốc sử quán (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, tập 2, tr. 66). Đây cũng là lần đầu tiên tên gọi Quốc Sử quán xuất hiện trong sách sử chính thức của triều Nguyễn. Đến tháng 8 năm 1820, trụ sở làm việc của Quốc sử quán được hoàn thành. Châu bản triều Minh Mệnh ghi chép việc bổ dụng nhân viên Quốc sử quán vào tháng 9 năm 1820 (Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1963, tập II, tr. 13). Như vậy, dưới triều vua Minh Mệnh vào năm 1820 cơ quan chuyên trách biên soạn lịch sử Nhà nước được thành lập có tên là Quốc sử quán, có trụ sở làm việc riêng biệt để phục vụ biên soạn lịch sử. Ngày 6 tháng 5 năm Tân Tỵ (tức ngày 5-6-1821) Quốc sử quán chính thức mở cửa làm việc và được vua Minh Mệnh tổ chức rất long trọng (Nội các triều Nguyễn, 2005, tập IV, tr. 304). Theo tư liệu châu bản được Phạm Văn Thắm công bố, quá trình tổ chức Quốc sử quán được thể hiện khá rõ qua việc xác lập hệ thống chức danh và nhân sự, trong đó Tổng tài và Phó Tổng tài là những chức vụ lãnh đạo trực tiếp. Các chức Toàn tu, Biên tu, Khảo hiệu, Hiệu san, Thu chương, Biện sự và Đăng lục đảm nhiệm những khâu khác nhau của quá trình tập hợp, biên soạn, kiểm tra, bảo quản và sao chép văn bản (Thắm, 2012, tr. 76–83). Cơ cấu này cho thấy biên soạn lịch sử đã có sự phân công lao động học thuật của các bộ phận tương đối rõ ràng.

Điểm đáng chú ý là Quốc sử quán không hoạt động tách biệt khỏi hệ thống hành chính. Các quan lại đang giữ chức ở các bộ, nha và địa phương có thể được trưng tập hoặc kiêm nhiệm công việc sử quán. Điều đó tạo ra lợi thế lớn về khả năng tiếp cận văn bản hành chính, nhưng đồng thời cũng khiến hoạt động biên soạn chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơ chế quyền lực. Vì vậy,

khi nghiên cứu sử liệu triều Nguyễn, cần xem xét đồng thời hai mặt: một mặt, đây là nguồn tư liệu được hình thành trong một thiết chế có khả năng thu thập tài liệu rộng lớn; mặt khác, việc lựa chọn và diễn giải thông tin chịu sự chi phối của nhà nước và quan niệm chính thống.

4.2. Mục tiêu, nguyên tắc và đặc trưng của công tác biên soạn sử học triều Nguyễn

Một đặc điểm nổi bật của sử học triều Nguyễn là sự kết hợp giữa chức năng ghi chép quá khứ và chức năng giáo hóa - chính trị. Các vua triều Nguyễn nhiều lần nhấn mạnh rằng lịch sử là phương tiện để đời sau biết việc đời trước và rút kinh nghiệm trị nước. Tự Đức từng coi “sử” là một trong những quyền lớn của quốc gia, đồng thời nhấn mạnh sự khó khăn của việc viết sử (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, tập 2, tr. 8). Như vậy, đối với triều đình, lịch sử vừa có giá trị nhận thức vừa có giá trị chuẩn tắc: nó cung cấp những mẫu mực về trung, hiếu, tiết, nghĩa, đồng thời xác lập trật tự chính thống của vương triều.

Từ mục tiêu đó, hình thành một nguyên tắc quan trọng, đó là lịch sử phải được biên soạn có căn cứ và được kiểm tra. Hệ thống chức danh của Quốc sử quán phản ánh yêu cầu kiểm chứng văn bản. Toán tu phụ trách tập hợp và biên soạn. Biên tu xử lý nội dung. Khảo hiệu, Hiệu san thực hiện công việc đối chiếu và hiệu đính. Thu chương bảo quản tư liệu. Đăng lục sao chép bản thảo. Quy trình này cho thấy triều Nguyễn đã hình thành một ý thức khá rõ về việc kiểm soát văn bản trước khi đưa vào sử sách.

Đặc trưng thứ hai là sự kế thừa và điều chỉnh nhiều thể loại sử học truyền thống. “Đại Nam thực lục” thuộc loại thực lục, chú trọng ghi chép sự kiện và hoạt động của các vua; “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” vận dụng thể biên niên và phương pháp cương mục, trong đó “cương” nêu sự kiện chính và “mục” triển khai chi tiết, kèm lời chua và nhận xét; “Đại Nam liệt truyện” tổ chức tư liệu theo nhân vật; các bộ địa chí tổ chức thông tin theo không gian hành chính; hội diễn lại hệ thống hóa chế độ và quy định. Sự đa dạng thể loại khiến di sản sử học Nguyễn có khả năng cung cấp những “lát cắt” khác nhau về cùng một hiện thực lịch sử.

Đặc trưng thứ ba là sự kết hợp giữa kế thừa và sáng tạo. Quốc sử quán tiếp nhận nhiều thành tựu của các triều đại trước, nhất là “Đại Việt sử ký

toàn thư”, đồng thời tham khảo các thư tịch và nhiều nguồn tư liệu khác. Điều đó cho thấy sử học Nguyễn không phải một hệ thống khép kín mà là quá trình tích lũy và tái cấu trúc tri thức lịch sử đã có.

Đặc trưng thứ tư là tính “không đồng nhất” giữa các công trình. Không nên xem toàn bộ tác phẩm của Quốc sử quán như một khối tư liệu có cùng mức độ và cùng mục đích. “Đại Nam thực lục” thiên về sự kiện và hoạt động của triều đình; “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” hướng tới thông sử và phân xét lịch sử theo hệ thống chính thống; “Đại Nam nhất thống chí” thiên về không gian, địa lý và đời sống địa phương. Vì vậy, phương pháp sử dụng phải phù hợp với từng loại văn bản, từng thể loại và từng câu hỏi nghiên cứu.

4.3. Những công trình tiêu biểu và đóng góp đối với tri thức lịch sử

“Đại Nam thực lục” là thành tựu tiêu biểu nhất của công tác biên soạn chính sử triều Nguyễn. Bộ sách gồm phần Tiền biên và Chính biên với quy mô 502 quyển. Công trình được biên soạn dưới triều vua Minh Mệnh năm 1821 đến khi hoàn thiện biên soạn vào năm Bảo Đại thứ 13 (1938), kéo dài 117 năm (Tâm, 2009, tr. 132). Thời gian lịch sử được ghi chép từ năm 1558 đến năm 1925, thời gian biên soạn kéo dài đến năm 1938. Từ năm 1962 đến năm 1978, Viện Sử học dịch toàn bộ 463 quyển, xuất bản lần lượt 38 tập. Từ năm 2004, Viện Sử học phối hợp với Nxb Giáo dục tái bản lại bộ sách này gồm 10 tập và phát hành rộng rãi trên toàn quốc. Các bản thảo mới phát hiện tiếp tục mở rộng khả năng nghiên cứu văn bản (Tâm, 2009, tr. 128–129). Với quy mô đó, “Đại Nam thực lục” là nguồn nền tảng cho nghiên cứu lịch sử chính trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX.

Bộ “Đại Nam thực lục Tiền biên” còn có tên gọi khác là “Liệt thánh thực lục tiền biên”, gồm 13 quyển, ghi chép về 9 chúa Nguyễn gồm 220 năm bắt đầu từ Thái tổ Gia dụ hoàng đế (Nguyễn Hoàng) vào trấn thủ Thuận Hóa năm Mậu Ngọ (1558), đến hết năm chúa Nguyễn Phúc Thuần mất năm Cảnh Hưng thứ 38 (1777). Bộ sách được Tổng tài Trương Đăng Quế và Vũ Xuân Cẩn tiến hành biên soạn từ năm Gia Long thứ 11 (1811) và hoàn thành khắc in vào năm Thiệu Trị thứ 4

(1844).

Bộ “Chính biên” bao gồm 489 quyển, được chia làm 7 kỷ, ghi chép từ năm 1778 đến năm 1938, 6 kỷ đầu biên chép từ 1778 đến 1888 đã được triều Nguyễn cho khắc in. Phần phụ biên chép từ năm 1889 đến 1916 và kỷ thứ 7 chép từ năm 1916 đến 1925 biên soạn từ năm 1932 đến năm 1938 vẫn chưa được khắc in mà dưới dạng bản thảo. Như vậy, bộ Đại Nam thực lục được biên chép về diễn biến lịch sử đất nước trong 367 năm, từ năm 1558 đến năm 1925. Nguyên tắc biên soạn “Đại Nam thực lục” của triều Nguyễn là sự kết hợp giữa hai thể tài sử học là biên niên và kỷ sự, do vậy đây không chỉ là công trình lịch sử được biên soạn theo thể biên niên mà còn có sự kết tinh tổng hợp của các thể tài.

Giá trị lớn của “Đại Nam thực lục” không chỉ nằm ở độ dài mà còn ở tính liên tục của chuỗi ghi chép. Những dụ chỉ, tấu sớ, quyết định bổ nhiệm, chiến sự, thiên tai, thuế khóa, công trình thủy lợi, hoạt động ngoại giao và các sự kiện trong cung đình được đặt trong một trình tự thời gian tương đối chặt chẽ. Điều này cho phép nhà nghiên cứu dựng lại diễn biến của một chính sách, theo dõi sự thay đổi qua từng đời vua và kiểm tra một sự kiện từ nhiều thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, chính tính chất “thực lục” gắn với triều đình cũng khiến nguồn này tập trung mạnh vào hoạt động của nhà nước, trong khi tiếng nói của các tầng lớp xã hội thường được phản ánh gián tiếp. Có thể nói nghiên cứu về lịch sử triều dưới triều Nguyễn thì bộ “Đại Nam thực lục” là công trình có giá trị quan trọng bậc nhất.

Bộ “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” gồm 53 quyển, đây được xem là một trong những bộ sử lớn nhất được Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của vua Tự Đức. Về thời gian bộ “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” dài hơn bộ “Đại Việt sử ký toàn thư” (Liên và các sử thần triều Lê, 1993) 114 năm, bộ “Đại Việt sử ký toàn thư” kết thúc vào năm 1675 và “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” kết thúc ở năm 1789. Bộ “Khâm định Việt sử thông giám cương mục”, được biên soạn từ tháng 6 năm 1856, hoàn thành năm 1881 triều Tự Đức, khắc in tháng 9 năm 1884 triều Kiến Phúc. Bộ sách này ghi chép toàn bộ diễn biến lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước đến năm 1789. Phương pháp biên chép bộ sách này có dựa theo cách chép

“Cương mục” của sử học Trung Quốc, thời Chu Hy (1130 - 1200) biên soạn bộ “Tư trị thông giám cương mục” gồm 59 quyển và ông là người đầu tiên sáng tạo ra cách chép Cương mục. Theo đó, Cương là đề cương của sự kiện, dùng chữ lớn ghi lại, mục là ghi chi tiết tỉ mỉ của sự kiện được ghi bằng chữ nhỏ (Tâm, 2009, tr. 136). Cùng với bộ sách “Đại Việt sử ký toàn thư” thì bộ “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” được biên soạn dưới triều Nguyễn là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu về lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVIII trở về trước.

“Đại Nam nhất thống chí” (gồm 28 quyển), năm 1849 sau lên ngôi được 1 năm theo đề nghị của Bùi Quỳ, vua khi Tự Đức lệnh cho các sử thần biên soạn. Sách “Đại Nam liệt truyện” cho biết: “Bùi Quỳ xin cho hiệu chỉnh bộ Đại Việt sử ký, làm sách Đại Nam nhất thống chí... để làm sáng tỏ việc văn trị. Các lời trình bày, phần nhiều đều được thi hành” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006a, tập 4, tr. 111). Tuy được chuẩn y tiến hành, nhưng cho đến năm Tự Đức thứ 14 (1861), cũng chỉ mới hoàn thành được bộ “Đại Nam nhất thống chí đồ dư” rất giản lược, còn bộ “Đại Nam nhất thống chí” đến năm 1865 mới bắt đầu được biên soạn và cho đến năm 1882 được hoàn thành bản thảo (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004, tập 8, tr. 533). Nội dung bộ sách mới hạn định đến năm 1865, do vậy khi dâng bản thảo khắc in thì vua Tự Đức lại sai cho làm hết đến năm 1881. Bộ sách này được phân thành các mục như: phương vị, phân dã, dựng đặt diên cách, phủ huyện, hình thế, khí hậu, phong tục, thành trì, trường học, hộ khẩu, thuế ruộng, núi sông, cỏ tích, chùa quán, nhân vật, liệt nữ, thổ sản... Ngoài ra, còn chép về các nước lân bang như Cao Miên, Xiêm La, Nam Chường... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006b, tập 1, tr. 9).

Bộ “Đại Nam nhất thống chí” được biên soạn từ năm 1906 dưới triều vua Thành Thái, hoàn thành năm 1909 và được khắc in năm 1910 dưới triều vua Duy Tân (gồm 17 quyển) do Tổng tài bộ sách là Cao Xuân Dục. Bộ sách này được viết gồm các nội dung như bộ “Đại Nam nhất thống chí” dưới triều vua Tự Đức, được hoàn thành dưới triều vua Duy Tân nên thường được gọi là “Đại Nam nhất thống chí” bản Duy Tân. Tuy nhiên, bản này chỉ ghi chép về các tỉnh ở Trung Kỳ nên không được đầy đủ như bản “Đại Nam nhất thống chí” dưới triều Tự Đức được đoán

định biên soạn vào thời gian trước năm Tự Đức thứ 29 (1875), là năm đặt lại tỉnh Hà Tĩnh (vì sách còn chép là đạo Hà Tĩnh) và sau năm Tự Đức thứ 18 (1864) là năm chia lại hai huyện Tuy Viễn và Tuy Phước thuộc tỉnh Bình Định (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006b, tập 1, tr. 10). Nội dung của bộ “Đại Nam nhất thống chí” biên soạn dưới triều vua Duy Tân cũng tương tự các mục như ở bộ “Đại Nam nhất thống chí” dưới triều vua Tự Đức.

Bộ “Đồng Khánh địa dư chí”, còn được gọi là “Đồng Khánh địa dư chí lược”, hoặc “Đồng Khánh ngự lãm dư địa chí lược”. Công trình được biên soạn dưới triều vua Đồng Khánh (1886 - 1888). Bao gồm 25 quyển, khổ lớn, có 314 bản đồ từng tỉnh, từng phủ, huyện trong tỉnh của Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nội dung bộ sách có các mục chi tiết theo địa giới hành chính từng tỉnh thành, cương giới, vị trí địa lý, danh sách các cấp hành chính trực thuộc, tỉnh, phủ, huyện, tổng, huyện, xã, thôn, phường, giáp, trại... thành trì, binh lính, dân đinh, thuế, ruộng đất, đền miếu, phong tục, sản vật,... Công trình được đánh giá cao bởi giá trị học thuật, phương pháp biên soạn và các nguồn tư liệu được sử dụng. Đặc biệt là, hệ thống địa danh xã, thôn, phường, giáp, trại đến cấp huyện (Thọ, 2002, tr. 26–29).

Bên cạnh các công trình tiêu biểu do Quốc sử quán chủ trì biên soạn ở trên, thì triều Nguyễn còn để lại nhiều trước tác của cá nhân có giá trị lớn như “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú, công trình “Quốc triều Hương khoa lục” của Cao Xuân Dục và nhiều tác phẩm địa phương học, văn học, địa lý, lịch pháp, y học. Những tác phẩm này giúp mở rộng phạm vi nghiên cứu vượt khỏi lịch sử chính trị triều đình, đồng thời cho phép so sánh giữa tri thức của sử quan nhà nước và tri thức của các học giả, quan lại, địa phương.

4.4. Giá trị của di sản sử học triều Nguyễn đối với nghiên cứu hiện nay

Có thể thấy, trong tiến trình lịch sử Việt Nam ở bất kỳ triều đại nào nhà nước đều chú trọng đến việc biên chép và biên soạn lịch sử, nhưng các công trình còn lại nhiều nhất đến nay phải kể đến triều Nguyễn. Nhiều công trình được biên soạn một cách công phu, thời gian kéo dài hàng vài thập kỷ mới hoàn thành. Hiện nay, số công trình được biên soạn dưới triều Nguyễn là nguồn tư liệu quan trọng

để nghiên cứu về nhiều mặt của đời sống xã hội từ lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, địa lý... đến các vấn đề như nhân vật lịch sử, các cuộc khởi nghĩa nông dân, nông nghiệp, nông thôn... các vấn đề về chủ quyền biên giới, hải đảo... có thể nhận xét về giá trị của các công trình sử học thời Nguyễn đối với giai đoạn hiện nay trên một mặt như:

Thứ nhất, các công trình sử học Nguyễn có giá trị như một “kho dữ liệu nền” để phục dựng lịch sử Việt Nam. Đối với nghiên cứu chính trị và thể chế, thực lục, hội điển và liệt truyện cho phép theo dõi sự vận hành của triều đình, quan chế, quân chế, khoa cử, pháp luật và ngoại giao. Đối với lịch sử kinh tế - xã hội, các ghi chép về thuế khóa, ruộng đất, hộ khẩu, điền điều, thủy lợi, khẩn hoang, cứu tế và thiên tai tạo điều kiện nghiên cứu chính sách nhà nước cũng như đời sống xã hội. Đối với lịch sử văn hóa, các ghi chép về phong tục, lễ nghi, giáo dục, văn miếu, chùa quán, nhân vật và di tích mở ra nguồn tư liệu rộng lớn cho nghiên cứu văn hóa vật thể và phi vật thể.

Thứ hai, các công trình này có giá trị đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử địa phương. Địa chí triều Nguyễn thường ghi chép theo đơn vị hành chính và bao gồm nhiều lớp thông tin khác nhau. Khi được kết hợp với gia phả, văn bia, thần tích, hương ước, địa bạ và tư liệu lưu trữ địa phương, chúng cho phép dựng lại lịch sử của một làng, một tổng, một huyện hoặc một vùng trong những thời điểm cụ thể. Đây là hướng nghiên cứu rất phù hợp với yêu cầu phục dựng lịch sử địa phương hiện nay, nhất là trong bối cảnh địa giới hành chính thay đổi.

Thứ ba, di sản này có giá trị đối với nghiên cứu lãnh thổ, biên giới và biển đảo, nhưng cần được sử dụng đối chiếu thận trọng. Các địa chí, bản đồ, thực lục và hội điển chứa nhiều thông tin về địa danh, đơn vị hành chính, đồn lũy, cửa biển, đảo, đường giao thông, hoạt động quản lý và quan hệ với các nước lân bang. Tuy nhiên, không thể sử dụng một câu ghi chép đơn lẻ để kết luận về một vấn đề phức tạp. Cần đối chiếu chuỗi tư liệu qua thời gian, kết hợp văn bản với bản đồ, châu bản và các nguồn của địa phương hoặc của các nước liên quan.

Thứ tư, các bộ sử triều Nguyễn có giá trị như một đối tượng nghiên cứu về lịch sử, không chỉ giúp các nhà nghiên cứu biết sự kiện xảy ra thế

nào, mà còn đặt ra những nghi vấn khi đối chiếu các nguồn sử liệu. Cách tiếp cận này giúp chuyển từ sử dụng sử liệu theo nghĩa minh họa sang phân tích bối cảnh lịch sử. Những khái niệm như chính thống, trung hưng, thống nhất, công - tội, trung - nghịch, ... cần được phân tích làm sáng tỏ, thay vì áp đặt trực tiếp các chuẩn mực hiện đại.

Thứ năm, di sản sử học triều Nguyễn có giá trị lớn đối với nghiên cứu liên ngành. Dữ liệu về ruộng đất có thể kết nối lịch sử với địa lý và kinh tế; địa danh có thể kết nối sử học với ngôn ngữ học và lịch sử. Dữ liệu nhân vật có thể kết nối với nghiên cứu mạng lưới xã hội. Dữ liệu về lễ nghi có thể kết nối với nhân học và nghiên cứu di sản. Việc số hóa văn bản Hán Nôm, nhận dạng ký tự, xây dựng cơ sở dữ liệu địa danh và lập bản đồ lịch sử sẽ mở ra khả năng khai thác khối tư liệu triều Nguyễn ở quy mô lớn hơn nhiều so với phương thức đọc thủ công truyền thống.

5. Bàn luận

Từ những phân tích trên, có thể thấy đóng góp quan trọng nhất của triều Nguyễn đối với lịch sử sử học Việt Nam không chỉ là để lại nhiều bộ sách, mà là hình thành một thiết chế biên soạn có quy mô quốc gia và một hệ thống thể loại tương đối hoàn chỉnh. Từ Sử cục đến Quốc sử quán, việc làm sử được đặt trong một cơ cấu nhân sự, quy trình văn bản và cơ chế kiểm soát của nhà nước. Đây là một bước phát triển quan trọng của sử học Việt Nam thời quân chủ, nó tạo điều kiện tích lũy và bảo tồn khối lượng tư liệu lớn hơn nhiều so với các giai đoạn trước.

Sự đa dạng của các công trình sử học dưới triều Nguyễn giúp cho các nhà nghiên cứu có cái nhìn so sánh, đối chiếu các sự kiện, nhân vật lịch sử, địa danh. Cách làm này vừa tăng độ tin cậy vừa giúp phát hiện những khác biệt của các nguồn sử liệu.

Trong bối cảnh hiện nay, số hóa là một hướng phát huy giá trị mới của di sản sử học triều Nguyễn. Việc nhiều văn bản Hán Nôm, bản khắc và tài liệu lưu trữ được số hóa giúp mở rộng khả năng tiếp cận nguồn. Nhưng số hóa chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ là xây dựng dữ liệu có cấu trúc: chuẩn hóa tên người, địa danh, niên hiệu, liên kết các dị bản, gắn văn bản với hình ảnh bản gốc và cho phép truy xuất nguồn dẫn. Một cơ sở dữ liệu lịch sử triều Nguyễn được xây dựng theo hướng này có thể phục vụ đồng thời nghiên cứu

học thuật, giáo dục, bảo tồn di sản và phát triển các công cụ bản đồ lịch sử.

Một hướng khác là tăng cường nghiên cứu so sánh. Quốc sử quán triều Nguyễn có thể được đặt trong tương quan với các cơ quan sử học của Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản để làm rõ điểm tương đồng và khác biệt trong tổ chức sử quan, thể loại thực lục, cơ chế lưu trữ và quan hệ giữa quyền lực với tri thức lịch sử. So sánh không nhằm phủ nhận tính độc đáo của sử học Việt Nam mà giúp xác định rõ hơn những yếu tố bản địa, những yếu tố tiếp biến và những sáng tạo của sử quan triều Nguyễn.

Cuối cùng, cần thay đổi cách đánh giá giá trị của sử liệu triều Nguyễn theo hướng đa tầng. Một bộ sách có thể đồng thời có giá trị thông tin, giá trị ngôn ngữ, giá trị văn bản học, giá trị địa lý, giá trị thể chế và giá trị nghiên cứu lịch sử tư tưởng. Vì vậy, việc khai thác di sản này không nên chỉ dành cho các nhà sử học. Các nhà nghiên cứu địa lý, luật học, văn hóa học, dân tộc học, ngôn ngữ học, lưu trữ học và khoa học dữ liệu đều có thể tìm thấy những nguồn dữ liệu quan trọng. Đây là một trong những lý do khiến di sản sử học triều Nguyễn tiếp tục có sức sống lâu dài trong nghiên cứu hiện đại.

6. Kết luận

Triều Nguyễn là một giai đoạn có vị trí đặc biệt trong lịch sử biên soạn và lưu giữ sử liệu Việt Nam. Từ Sử cục đến Quốc sử quán, triều Nguyễn đã xây dựng một thiết chế chuyên trách với cơ cấu nhân sự và quy trình biên soạn tương đối rõ ràng.

Trong giai đoạn hiện nay, việc nghiên cứu triều Nguyễn cần đẩy mạnh dịch thuật, xuất bản để phục vụ bạn đọc, tuy nhiên, cũng cần lưu ý việc hiệu đính văn bản, đối chiếu so sánh các dị bản, kết hợp công bố bản dịch và văn bản gốc để tăng thêm độ tin cậy và phục vụ bạn đọc kiểm chứng. Số hóa và liên kết cơ sở dữ liệu về nhân vật, địa danh, sự kiện và thiết chế, đồng thời tăng cường đối chiếu giữa chính sử với châu bản, địa bạ, văn bia, gia phả, tư liệu địa phương và nguồn nước ngoài. Khi được tiếp cận bằng phương pháp phê bình sử liệu và nghiên cứu liên ngành, di sản của các công trình được biên soạn dưới triều Nguyễn không chỉ giúp hiểu rõ hơn lịch sử thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mà còn góp phần hoàn thiện phương pháp nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong thời đại số.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình thực hiện bài báo, tác giả có sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (ChatGPT) nhằm hỗ trợ hiệu chỉnh ngôn ngữ, biên dịch. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung, tính chính xác và tính liên chính khoa học của bài báo.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích nào liên quan đến việc công bố bài báo.

Tài liệu tham khảo

- Hai, P. T. (2003). *Dau an Nguyen trong van hoa Phu Xuan*. Nha xuất bản Thuan Hoa.
- Lien, N. S., & cac su than trieu Le. (1993). *Dai Viet su ky toan thu* (Tập 1–3). Nha xuất bản Khoa học xa hoi.
- Noi cac trieu Nguyen. (2005). *Kham dinh Dai Nam hoi dien su le* (Tập 1–8). Nha xuất bản Thuan Hoa.
- Quoc su quan trieu Nguyen. (2004). *Dai Nam thuc luc* (Tập 1–10). Nha xuất bản Giao duc.
- Quoc su quan trieu Nguyen. (2006a). *Dai Nam liet truyen* (Tập 1–4). Nha xuất bản Thuan Hoa.
- Quoc su quan trieu Nguyen. (2006b). *Dai Nam nhât thong chi* (Tập 1–4). Nha xuất bản Thuan Hoa.
- Quoc su quan trieu Nguyen. (2007). *Kham dinh Viet su thong giam cuong muc* (Tập 1–2). Nha xuất bản Giao duc.
- Tai, T. V. (1999). *Quoc su quan trieu Nguyen: Phuong phap bien soan va thanh tuu* [Luan van thac si khoa hoc, Dai hoc Vinh].
- Tam, N. H. (2009). *Quoc su quan trieu Nguyen (1820–1945)* [Luan an tien si su hoc].
- Tham, P. V. (2012). Mot ban Chau ban ghi su thanh lap Quoc su quan trieu Nguyen. *Tap chi Han Nom*, 2(111), 76–83.
- Tho, N. D. (2002). Dong Khanh dia du chi, qua trinh bien soan - luu truyen va gia tri hoc thuat. *Tap chi Han Nom*, 1(50), 26–29.
- Trung tam Luu tru quoc gia I. (2024). *Nhung vu an tham nhung qua Chau ban trieu Nguyen*. Nha xuất bản My thuat.
- Uy ban Phien dich Su lieu Viet Nam. (1963). *Muc luc Chau ban trieu Nguyen: Tap II, Minh Menh*. Vien Dai hoc Hue.

TRIỀU NGUYỄN VỚI CÔNG TÁC BIÊN SOẠN LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU HIỆN NAY

Nguyễn Văn Bảo

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Email: Nguyenbaovsh@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/8/2026; Ngày phản biện: 7/9/2026; Ngày tác giả sửa: 11/9/2026;

Ngày duyệt đăng: 29/9/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i3.420>

Tóm tắt: Bài viết khảo sát một cách hệ thống chính sách, tổ chức và thực tiễn biên soạn lịch sử dưới triều Nguyễn, tập trung vào quá trình hình thành Sử cục năm 1811, sự kiện dựng Quốc sử quán từ năm 1820, chính thức hoạt động từ năm 1821 và sự hoàn thiện dần của bộ máy sử quan cho đến cuối triều Nguyễn. Trên cơ sở đối chiếu phân tích các bộ sử, địa chí, hội điển và nguồn tư liệu hành chính tiêu biểu như: “Đại Nam thực lục”, “Khâm định Việt sử thông giám cương mục”, “Đại Nam nhất thống chí”, “Đồng Khánh địa dư chí”,... bài viết làm rõ đặc điểm của hoạt động biên soạn sử học triều Nguyễn: tính nhà nước và tính quy phạm cao; sự kết hợp giữa ghi chép sự kiện, khảo cứu địa lý, chế độ và nhân vật; sự kế thừa phương pháp biên niên, cương mục và thực lục... đồng thời nhận diện những giới hạn do quan niệm chính thống, tư tưởng quân chủ và mục tiêu chính trị của sử quan đương thời. Từ đó, bài viết khẳng định giá trị nhiều tầng của khối di sản này đối với nghiên cứu lịch sử, địa lý lịch sử, thể chế, xã hội, kinh tế, văn hóa và lịch sử địa phương hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất một số nguyên tắc khai thác: phê phán sử liệu, đối chiếu liên văn bản, kết hợp chính sử với châu bản và tư liệu địa phương, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu liên ngành.

Từ khóa: Quốc sử quán; Sử cục; Sử học; Sử liệu; Triều Nguyễn.